

Số: 8217 /BC-TTCH

Đồng Nai, ngày 01 tháng 10 năm 2021

BÁO CÁO NHANH
Công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai
Đến 22h00 ngày 30/9/2021

I. Tình hình dịch bệnh

1. Số ca mắc:

		Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số ca mắc		747	Tăng (20,5%)	49.381
Đang điều trị (22.121)	<i>Tầng 3</i>	11	Giảm (21,4%)	150
	<i>Tầng 2</i>	418	Giảm (17,9%)	5.210
	<i>Tầng 1</i>	178	Giảm (81,0%)	6.321
Khỏi bệnh*		529	Giảm (17,1%)	26.807
Tử vong*		06	Tăng (200,0%)	453

*Số khỏi bệnh, tử vong báo cáo theo danh sách cấp giấy ra viện và bệnh án tử vong trong ngày.

2. Tình hình xét nghiệm:

	Trong ngày	Tăng/giảm	Lũy kế
Số xét nghiệm thực hiện	18.119	Tăng (3,7%)	2.983.197
Dương tính	1.797 (747 ca mới, 1.050 theo dõi điều trị)	Tăng (7,4%)	111.511
Âm tính	16.171	Tăng (3,3%)	2.853.059

- 06 cơ sở xét nghiệm khẳng định trên địa bàn tỉnh: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh, BVĐK Đồng Nai, BVĐK Thống Nhất, BV Quốc tế Đồng Nai, BVĐKKV Long Khánh, PKĐK An Phúc Sài Gòn.

- 04 phòng xét nghiệm được phép thực hiện xét nghiệm sàng lọc vi rút SARS-CoV-2 bằng kỹ thuật Realtime RT-PCR: BV Nhi đồng Đồng Nai, PKĐK Quốc tế Stry Mỹ, PKĐK Dân Y Biên Hòa, PKĐK Ái Nghĩa Nhơn Trạch..

- Trong ngày có 1.797/18.119 mẫu xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2, chiếm tỉ lệ 10,3%.

3. Tình hình cách ly, theo dõi sức khỏe:

	Trong ngày	Đang theo dõi	Kết thúc	Lũy kế
Cách ly tập trung	347	9.576	23.678	33.254
Cách ly tại nhà	333	12.734	55.205	67.939
Theo dõi sức khỏe	35	5.795	21.742	27.537

Trong ngày: 318 F1 (cộng dồn 22.051), 132 F2 (cộng dồn 31.802)

4. Tình hình lao động nước ngoài nhập cảnh cách ly trên địa bàn tỉnh:

- Cộng dồn: 1.695 trường hợp
- Đang thực hiện cách ly: 26 trường hợp
- Đã hoàn thành cách ly: 1.669 trường hợp

Trong đó: ghi nhận 03 trường hợp dương tính với SARS-CoV-2 (quốc tịch Ấn Độ) được cách ly ngay sau khi nhập cảnh; 34 trường hợp nhập cảnh trái phép (quốc tịch Trung Quốc).

5. Tình hình phòng, chống dịch tại các doanh nghiệp trong KCN

- Ca F0 trong ngày: 05 ca, lũy kế 2.132 ca F0/145.264 tổng số LĐ Doanh nghiệp thực hiện 3T (có 01 ca là bảo vệ của doanh nghiệp không thực hiện 3T)
- DN có F0 trong ngày: 01 DN; Lũy kế DN 3T có F0: 74/1.152 tổng số DN thực hiện 3T. Chi tiết Doanh nghiệp có ca nhiễm như sau:

+ Công ty TNHH Công nghệ Ấc quy Heng Li (Việt Nam) – KCN Nhơn Trạch III: có 05 ca F0 chuyển từ F1.

- Điều trị khỏi: 1.531/2.132 ca F0 của doanh nghiệp thực hiện 3T, chiếm 71,81%
- Đang điều trị: 601 ca, chiếm 28,19%.

II. Các hoạt động đã triển khai thực hiện

1. Thu dung, điều trị:

a) Ca bệnh ghi nhận trên địa bàn tỉnh

- Ca mắc tại cộng đồng: 49.353 ca
- Ca mắc cách ly ngay sau khi nhập cảnh: 28 ca

b) Tình hình điều trị trên địa bàn tỉnh

- Trong ngày, 529 bệnh nhân được xác nhận điều trị khỏi, xuất viện, bàn giao về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe theo quy định; 06 ca bệnh tử vong do COVID-19.

- 122 ca là phụ nữ đang mang thai, 3.181 ca dưới 18 tuổi, 400 ca trên 65 tuổi và có bệnh lý nền.

- 38 ca bệnh diễn tiến nguy kịch (suy hô hấp cấp tiến triển (ARDS), suy đa tạng, sốc nhiễm trùng,...);

- + 37 ca thở máy xâm lấn
- + 01 ECMO

- 399 ca bệnh có diễn tiến nặng (viêm phổi nặng);
- 3.787 ca có triệu chứng nhẹ-trung bình, 7.495 ca không triệu chứng.

c) Phân tầng điều trị

- Số giường cách ly theo dõi F0 không triệu chứng do các huyện/TP quản lý (Tầng 1): 14.690 giường (trồng 6.598 giường).

- Số giường Bệnh viện dã chiến (Tầng 2): 8.964 giường (trồng 3.747 giường)

- Số giường Hồi sức tích cực (Tầng 3): 410 giường (trồng 257 giường)
(Chi tiết tại Phụ lục đính kèm)

2. Hoạt động cách ly theo dõi, giám sát đối tượng:

- Chuyển các ca dương tính có triệu chứng mới ghi nhận trong ngày về các Bệnh viện dã chiến điều trị; tiếp tục điều tra, truy vết các trường hợp liên quan để đưa vào diện cách ly, lấy mẫu, quản lý theo quy định;

- Các ca dương tính không triệu chứng, nguy cơ thấp được quản lý theo dõi tại các khu cách ly theo dõi y tế F0 của các huyện, thành phố;

- 747 ca bệnh mới ghi nhận trên địa bàn tỉnh có 16 ca sàng lọc trong cộng đồng, 123 ca trong khu phong tỏa và 608 ca trong khu cách ly. Trong đó:

+ 16 ca trong cộng đồng: Biên Hòa (13), Vĩnh Cửu (03)

- 15 ca phát hiện qua xét nghiệm tầm soát cộng đồng tại các phường: Tân Hòa (07), Hồ Nai (02), Hiệp Hoà (01), Thống Nhất (01), Trảng Dài (01) – Biên Hòa; xã Vĩnh Tân (02), Tân Bình (01) – Vĩnh Cửu. Đang điều tra dịch tễ.

- 01 ca ngụ tại khu phố 1, phường Tân Mai, Biên Hòa. Nhà không ở khu phong tỏa. Hàng ngày đi làm ở siêu thị Coopmart Biên Hòa, thấy có biểu hiện sốt, ho, mất vị giác đi khám và có kết quả xét nghiệm dương tính với SARS-CoV-2. Chưa rõ nguồn lây.

+ 123 ca trong khu phong tỏa: Ghi nhận nhiều nhất tại phường Hồ Nai (23), Long Bình (18) – Biên Hòa; TT Hiệp Phước (21) - Nhơn Trạch;

- Hiện còn 11 trường hợp test nhanh đang chờ kết quả khẳng định bằng phương pháp Realtime RT-PCR, trong đó: Thống Nhất (10), Cẩm Mỹ (11); các phòng xét nghiệm ghi nhận 151 mẫu nghi ngờ, gộp dương chờ kết quả khẳng định.

- Điều tra, truy vết và chuyển cách ly tập trung các đối tượng nguy cơ, trong đó: Nhơn Trạch 200, Biên Hòa 105 (18 trường hợp test nhanh dương tính), Trảng Bom 21 (03 trường hợp test nhanh dương tính), Cẩm Mỹ 16 (01 trường hợp test nhanh dương tính, 07 F2), Long Khánh 05.

- Ban chỉ đạo phòng chống dịch COVID-19 tỉnh ban hành quyết định phê duyệt danh sách đối tượng hoàn thành cách ly, bàn giao những trường hợp đã thực hiện đủ thời gian cách ly 14 ngày và có kết quả xét nghiệm tối thiểu 03 lần âm tính với SARS-CoV-2 tại các cơ sở cách ly tập trung trên địa bàn tỉnh về địa phương tiếp tục theo dõi sức khỏe.

3. Hoạt động kiểm dịch y tế:

- Kiểm dịch cảng trong ngày: 02 tàu, 38 người.

- Cộng dồn: 1.145 tàu, 21.414 người

(Đã ghi nhận: 03 trường hợp thuyền viên quốc tịch Philippin dương tính)

4. Hoạt động tiêm chủng vắc xin ngừa COVID-19:

Cơ bản hoàn thành tiêm chủng Đợt 1-8, đang triển khai Đợt 9, 10, 11

- **Tổng số tiêm trong ngày: 5.232 liều.**

Trong đó: Mũi 1: 4.139 người; Mũi 2: 1.093 người.

- Tiến độ theo Kế hoạch: Đợt 9 đạt 4,95% (chưa nhận 300.000 liều vắc xin Sinopharm), đợt 10 đạt 52,84%

- Số liều vắc xin còn lại: 296.222 liều.

Đến hiện tại, trên địa bàn tỉnh đã thực hiện tiêm **1.976.619 liều** vắc xin COVID-19 cho **1.788.234 người** (chiếm tỉ lệ **79,33%** đối tượng trên 18 tuổi toàn tỉnh), trong đó có **188.385 người** đã tiêm đủ liều (chiếm tỉ lệ **8,36%**).

5. Các hoạt động khác:

- Duy trì hệ thống giám sát bệnh truyền nhiễm trên địa bàn tỉnh;

- UBND tỉnh ban hành Công văn số 11959/UBND-KGVX ngày 30/9/2021 về việc tiếp tục thực hiện các biện pháp để từng bước phục hồi hoạt động KTXH đảm bảo công tác phòng, chống dịch trong tình hình mới;

- Triển khai Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới **bắt đầu lúc 0h00 ngày 20/9/2021**;

- Ngành công an chủ trì, phối hợp ngành y tế và các ban ngành liên quan thực hiện Kế hoạch số 5990/PA-UBND ngày 01/6/2021 và Quyết định số 1861/QĐ-UBND ngày 01/6/2021 về việc triển khai lực lượng kiểm soát, phòng, chống dịch bệnh COVID-19 từ các tỉnh, thành phố khác đến địa bàn tỉnh Đồng Nai, bao gồm: 10 chốt kiểm soát cấp tỉnh (bao gồm 08 chốt đường bộ và 02 chốt đường thủy) và 12 chốt kiểm soát cấp huyện, Thực hiện khai báo y tế, kiểm tra thân nhiệt và đeo khẩu trang đối với 100% người và phương tiện, Đồng thời triển khai thực hiện Công văn số 1294/CAT-PA03 ngày 01/5/2021 về việc tăng cường kiểm tra, xử lý các trường hợp vi phạm quy định phòng chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh;

III. Nhận định tình hình dịch bệnh và Kiến nghị

1. Nhận định tình hình dịch bệnh

- Trong ngày ghi nhận 16 ca trong cộng đồng: Biên Hòa (13), Vĩnh Cửu (03). Các ca cộng đồng ở Biên Hòa rải rác nhiều phường xã, trong đó nhiều nhất tại phường Tân Hòa với 07 ca, chưa xác định rõ nguồn lây;

- Các ca trong khu phong tỏa tiếp tục ghi nhận tại các ổ dịch cũ đã kiểm soát, nhiều nhất tại phường Hồ Nai (23), Long Bình (18) – Biên Hòa; TT Hiệp Phước (21) - Nhơn Trạch.

- Tỉ lệ bao phủ mũi 1 vắc xin cho người trưởng thành trên địa bàn tỉnh đạt 79,33%, mũi 2 là 8,36%.

IV. Kiến nghị

- Các địa phương tăng cường quan tâm chỉ đạo, thực hiện nghiêm, kịp thời việc thống kê, báo cáo số liệu (ca mắc, xuất viện, điều tra truy vết,...) trên địa bàn nhằm phản ánh rõ thực trạng, cập nhật tình hình dịch bệnh trên địa bàn tỉnh.

- Các địa phương nguy cơ cao, rất cao tiếp tục xây dựng triển khai xét nghiệm thân tốc bóc tách triệt để nguồn lây tại các điểm nguy cơ đã được khoanh vùng sau Kế hoạch xét nghiệm thân tốc 11456/UBND-KGVX ngày 21/9/2021 của UBND tỉnh.

- Các địa phương theo dõi sát tình hình địa bệnh trên địa bàn, thường xuyên tổ chức đánh giá chính xác mức độ nguy cơ để thu hẹp tối đa vùng phong tỏa, triển khai áp dụng các biện pháp phòng chống dịch phù hợp, kịp thời.

- Tăng cường kiểm tra, giám sát việc lây nhiễm chéo tại các khu cách ly tập trung, bệnh viện.

- Theo dõi sức khỏe tại địa phương đối với các trường hợp có lịch sử di chuyển đi khám, chữa bệnh tại các bệnh viện về.

- Tăng cường xét nghiệm, tầm soát, kiểm soát chặt nguồn lây từ bên ngoài ở các công ty thực hiện 3T.

- Thực hiện Kế hoạch số 11102/KH-UBND ngày 15 tháng 9 năm 2021 về việc Từng bước phục hồi các hoạt động kinh tế xã hội, an ninh quốc phòng, đảm bảo công tác phòng, chống dịch COVID-19 tại tỉnh Đồng Nai trong tình hình mới.

Trên đây là báo cáo nhanh công tác phòng, chống dịch bệnh COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

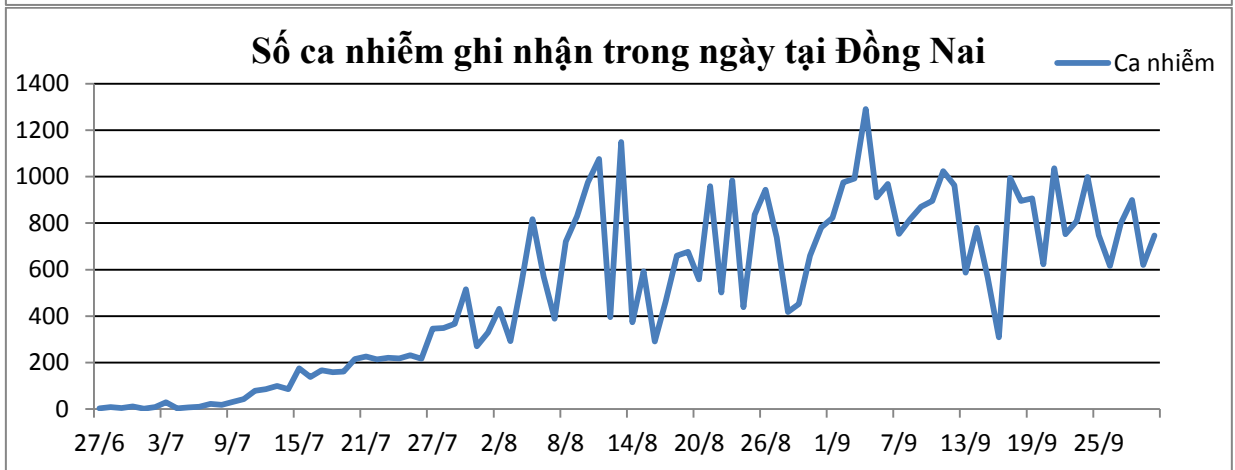
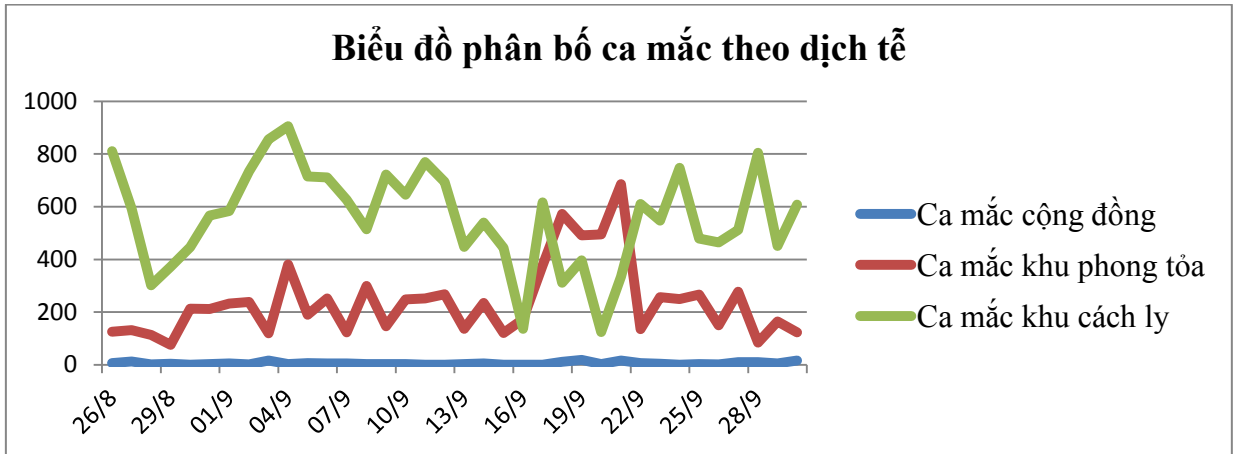
- Bộ Y tế;
- TU, UBND Tỉnh;
- BCĐ tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Website SYT;
- Lưu VT, NV.

**KT. CHỈ HUY TRƯỞNG
PHÓ CHỈ HUY TRƯỞNG**

**GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Phan Huy Anh Vũ**

Phụ lục 1: Số ca mắc từ ngày 27/4 đến nay (đợt dịch thứ 4)

STT	Xã/phường	Trong ngày					Lũy kế
		Số ca nhiễm mới	Tăng/giảm	Cộng đồng	CLTT	Khu phong tỏa	
1	Biên Hòa	455	3,2%	13	383	59	20.439
2	Nhon Trạch	169	576,0%	0	147	22	12.046
3	Vĩnh Cửu	30	-37,5%	3	16	11	9.599
4	Trảng Bom	62	-26,2%	0	38	24	4.267
5	Long Thành	8	-38,5%	0	6	2	989
6	Thống Nhất	1	-66,7%	0	1	0	525
7	Long Khánh	2	-	0	2	0	335
8	Ngoại tỉnh, khác	0	-100%	0	0	0	333
9	Xuân Lộc	0	-	0	0	0	313
10	Định Quán	0	-	0	0	0	253
11	Cẩm Mỹ	12	140,0%	0	11	1	211
12	Tân Phú	8	-	0	4	4	39
Tổng cộng		747	20,5%	16	608	123	49.349



Phụ lục 2: Theo dõi ca nhiễm trong ngày

STT	Huyện	Trong ngày (ca trong nước)							
		Tổng số Ca Mắc mới trong ngày	Sàng lọc tại cơ sở y tế	Số ca trong Khu Cách Ly	Số ca trong Khu Phong Tỏa	Sàng lọc cộng đồng			Số ca Chưa rõ nguồn lây
						Tổng	Trong đó		
							Cộng Đồng	Khu nhà trọ	
NGUY CƠ RẤT CAO (VÙNG ĐỎ) (14)									
1	Biên Hòa	205	0	153	50	2			
1.1	<i>Bửu Hòa</i>	12		12					
1.2	<i>Hố Nai</i>	36		11	23	2	2		
1.3	<i>Long Bình</i>	57		39	18				
1.4	<i>Long Bình Tân</i>	22		19	3				
1.5	<i>Quang Vinh</i>	8		7	1				
1.6	<i>Tam Hiệp</i>	17		15	2				
1.7	<i>Tân Biên</i>	14		11	3				
1.8	<i>Tân Vạn</i>	39		39					
2	Nhơn Trạch	130	0	108	22	0			
2.1	<i>Hiệp Phước</i>	117		96	21				
2.2	<i>Phước Thiện</i>	13		12	1				
3	Trảng Bom	35	0	25	10	0			
3.1	<i>Hố Nai 3</i>	17		7	10				
3.2	<i>Sông Trầu</i>	18		18					
4	Vĩnh Cửu	14	0	14	0	0			
4.1	<i>Thạnh Phú</i>	2		2					
4.2	<i>Thiện Tân</i>	12		12					
NGUY CƠ CAO (VÙNG CAM) (21)									
1	Biên Hòa	121	0	110	2	9			
1.1	<i>Quyết Thắng</i>	2		2					

1.2	<i>Tam Hòa</i>	3		3					
1.3	<i>Tam Phước</i>	41		40	1				
1.4	<i>Tân Hiệp</i>	4		4					
1.5	<i>Tân Hòa</i>	59		52		7	7		
1.6	<i>Tân Mai</i>	3		2		1	1		
1.7	<i>Trảng Dài</i>	8		6	1	1	1		
1.8	<i>Trung Dũng</i>	1		1					
2	Long Thành	4	0	2	2	0			
2.1	<i>An Phước</i>	0							
2.2	<i>Tam An</i>	1			1				
2.3	<i>TT Long Thành</i>	3		2	1				
3	Nhơn Trạch	38	0	38	0	0			
3.1	<i>Đại Phước</i>	0							
3.2	<i>Phú Đông</i>	0							
3.3	<i>Phú Hội</i>	38		38					
4	Thống Nhất	1	0	1	0	0			
4.1	<i>Dầu Giây</i>	1		1					
5	Trảng Bom	8	0	1	7	0			
5.1	<i>Bắc Sơn</i>	8		1	7				
5.2	<i>Bình Minh</i>	0							
6	Vĩnh Cửu	13	0	2	9	2			
6.1	<i>Tân An</i>	0							
6.2	<i>Trị An</i>	0							
6.3	<i>TT Vĩnh An</i>	1			1				
6.4	<i>Vĩnh Tân</i>	12		2	8	2	2		
NGUY CƠ (VÙNG VÀNG) (23)									
1	Biên Hòa	129	0	121	6	2			
1.1	<i>An Bình</i>	68		67	1				
1.2	<i>Bình Đa</i>	4		1	3				
1.3	<i>Bửu Long</i>	1		1					

1.4	<i>Hiệp Hòa</i>	3		2		1	1		
1.5	<i>Hóa An</i>	10		8	2				
1.6	<i>Phước Tân</i>	8		8					
1.7	<i>Tân Phong</i>	19		19					
1.8	<i>Thống Nhất</i>	16		15		1	1		
2	Long Thành	2	0	2	0	0			
2.1	<i>Bình Sơn</i>	1		1					
2.2	<i>Long An</i>	0							
2.3	<i>Phước Thái</i>	1		1					
3	Nhơn Trạch	1	0	1	0	0			
3.1	<i>Phước An</i>	0							
3.2	<i>Phú Hữu</i>	1		1					
3.3	<i>Phú Thạnh</i>	0							
3.4	<i>Long Thọ</i>	0							
4	Thống Nhất	0	0	0	0	0			
4.1	<i>Gia Kiệm</i>	0							
5	Trảng Bom	5	0	1	4	0			
5.1	<i>Đôi 61</i>	0							
5.2	<i>Quảng Tiến</i>	0							
5.3	<i>Trung Hòa</i>	0							
5.4	<i>TT Trảng Bom</i>	5		1	4				
6	Vĩnh Cửu	3	0	0	2	1			
6.1	<i>Bình Hòa</i>	0							
6.2	<i>Tân Bình</i>	3			2	1	1		
7	Xuân Lộc	0	0	0	0	0			
7.1	<i>Xuân Hưng</i>	0							
BÌNH THƯỜNG MỚI (VÙNG XANH) (112)									
1	Biên Hòa (06)	4		3	1				
1.1	<i>An Hòa</i>	2		1	1				
1.2	<i>Tân Hạnh</i>	2		2					

2	Cẩm Mỹ (13)	12		11	1				
2.1	<i>Sông Ray</i>	2		1	1				
2.2	<i>Xuân Đông</i>	1		1					
2.3	<i>Xuân Tây</i>	9		9					
3	Định Quán (14)								
4	Long Khánh (15)	2		2					
4.1	<i>Hàng Gòn</i>	1		1					
4.2	<i>Xuân Tân</i>	1		1					
5	Long Thành (08)	2		2					
5.1	<i>Bình An</i>	2		2					
6	Nhơn Trạch (03)								
7	Tân Phú (18)	8		4	4				
8	Thông Nhất (08)								
9	Trảng Bom (09)	14		11	3				
9.1	<i>Bàu Hàm</i>	1			1				
9.2	<i>Hưng Thịnh</i>	1			1				
9.3	<i>Thanh Bình</i>	12		11	1				
10	Vĩnh Cửu (04)								
11	Xuân Lộc (14)								

Phụ lục 3: Ca bệnh tử vong do COVID-19 mới ghi nhận

S T T	Họ Tên	Năm sinh		Nơi ghi nhận	Địa chỉ	Ngày tử vong	Nguyên nhân tử vong
		Nam	Nữ				
01	B.T.B			BVLK	Xã Đại Phước, Huyện Nhơn Trạch	29/09/2021	COVID-19 mức độ nguy kịch ngày 10/ ARDS mức độ nặng/ Sốc nhiễm trùng/ Viêm phổi nặng/ Suy thượng thận/ Loét dạ dày do stress/ Suy tim/ Tăng huyết áp
02	N.C.H	1946		BVTN	ấp 2, Lâm san, Cẩm Mỹ	25/9/2021	viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS coV 2, tăng huyết áp, bệnh thận mạn giai đoạn lọc máu chu kỳ
03	H.T.K.H		1979	BVTN	Phước Lai, Huyện Nhơn Trạch	29/09/2021	Viêm phổi mức độ nguy kịch do SARS - CoV-2 biến chứng ARDS – Choáng nhiễm trùng – Tăng huyết áp
04	H.T.C		1935	BVTN	KP4- Quyết Thắng- Biên Hòa	22/09/2021	Bệnh Covid 19- Viêm phổi mức độ nguy kịch biến chứng ARDS -Suy đa phủ tạng/TBMMN-THA
05	H.T.L		1956	BVTN	KP6- Trung Dũng- Biên Hòa	22/09/2021	Bệnh Covid 19- Viêm phổi mức độ nguy kịch biến chứng ARDS - Nhiễm khuẩn huyết- Giảm tiểu cầu nặng- Thuyên tắc phổi/Động kinh
06	T.T.K.H		1943	BVTN	KP9- Tân Phong- Biên Hòa	21/09/2021	Viêm phổi mức độ nguy kịch bội nhiễm- Suy đa phủ tạng/ ĐTĐ TYP2- Suy tim độ 3- Gãy LMC xương đùi (P).

Phụ lục 4: Tiến độ tiêm ngừa vắc xin COVID-19 trên địa bàn tỉnh

	Tổng tiêm	Mũi 1	Mũi 2	PU' nhẹ	PU' nặng	Số liều KH	Thực nhận	Tỉ lệ hoàn thành
Đợt 1	20.376	20.376	0	7.407	4	17.450	17.450	116,77%
Đợt 2	35.525	35.271	254	8.152	8	28.980	28.980	122,58%
Đợt 3	24.918	5.793	19.125	1.548	4	21.000	21.000	118,66%
Đợt 4	342.087	298.398	43.689	1.901	8	316.160	316.160	108,20%
Đợt 5	173.050	146.522	26.528	2.188	0	157.000	157.000	110,22%
Đợt 6	279.507	276.914	2.593	9	0	265.210	265.210	105,39%
Đợt 7	675.275	673.995	1.280	6.781	0	686.590	686.590	98,35%
Đợt 8	315.288	301.501	13.787	428	0	307.250	307.250	102,62%
Đợt 9	15.469	15.014	455	0	0	312.500	12.500	4,95%
Đợt 10	90.224	12.000	78.224	96	0	170.760	170.760	52,84%
Đợt 11	0					207.340	207.340	0,00%
Khác	4.900	2.450	2.450	0	0	4.900	4.900	100,00%
Tổng cộng	1.976.619	1.788.234	188.385	28.510	24	2.495.140	2.195.140	79,22%

Phụ lục 5: Tình hình điều trị F0 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai

TT	Cơ sở	Giường kế hoạch COVID	Giường thực kê COVID (con số chính xác)	Số CA + mới trong ngày (24h)	Xuất viện trong ngày (24h)	Chuyển viện trong ngày	Tử vong trong ngày (24h)	Số ca đang điều trị	Cộng dồn			Số ca đang điều trị, trong đó					Phụ nữ có thai	BN < 18 tuổi	< 65 tuổi và không có bệnh lý nền	> 65 tuổi và có bệnh lý nền	Khả năng còn tiếp nhận	
									Chuyển viện	Tử vong	Xuất viện	HFNC	Thở máy		Thở oxy	Có triệu chứng (ho, sốt, đau họng...)						Không triệu chứng
													Không xâm lấn (CPAP)	Xâm lấn								
TẦNG 3																						
1	BVĐN/ HSTC	40	40	3	0	0	0	25		146		1	2	19	3			1			15	
2	BVTN/TTHSTC	400	200	6	4	5	5	109	142	198	30	21	9	18	39			1	2	81	28	91

3	BVĐKKVLK/HSTC	100	40	1	0	0	1	16	54	35	26	3	0	1	12	0	0	0	1	7	2	24
4	BVĐKKVLT	100	100	0	0	0	0	10	64	33	0	0	0	0	10	0	0	0	0	10	0	90
5	BV Nhi ĐN	20	10					0		1												
6	BV Định Quán	60	11	0	0	0	0	0	1	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	11
7	BV Phôi																					
8	BV QTCTCH SG-ĐN																					
9	BV Đồng Nai 2	10	6	1	0	0	0	6	113	0	167	2	0	0	4	6	0	0	0	1	5	4
10	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu																					
11	BV Cao su Đồng Nai																					
Tổng cộng (tầng 3)		730	407	11	4	5	6	150	374	413	223	27	11	38	68	6	0	2	3	99	35	257

TẦNG 2

1	Bệnh viện dã chiến số 1	350	285	1	6	0	0	185	23	2	1149	2	0	0	6	81	105	5	34	143	3	100
2	Bệnh viện dã chiến số 2	350	370	3	0	0	0	355	90	0	1066	0	0	0	7	150	70	8	75	156	17	0
3	Bệnh viện dã chiến số 3	550	500	16	5	0	0	470	64	0	1851	0	0	0	23	192	17	14	128	453	92	30
4	Bệnh viện dã chiến số 4	360	345	48	78	0	0	320	62	0	1471	0	0	0	5	60	260	0	109	323	6	25
5	Bệnh viện dã chiến số 5	300	316	6	0	0	0	188	33	0	1005	0	0	0	5	75	108	2	51	7	4	10
6	Bệnh viện dã chiến số 6	1200	1090	37	64	0	0	679	102	0	4170	0	0	0	15	239	425	11	203	573	17	331
7	Bệnh viện dã chiến số 7	730	700	63	100	0	0	659	122	1	2934	0	0	0	14	322	323	10	207	397	45	41
8	Bệnh viện dã chiến số 8	650	635	93	0	0	0	652	38	0	1355	0	0	0	20	179	453	7	135	506	11	-17
9	Bệnh viện dã chiến số 9	1000	662	58	0	2	0	584	23	0	1451	0	0	0	5	391	188	3	165	536	1	78
10	Bệnh viện dã chiến số 10	850	807	53	0	0	0	753	57	0	2053	0	0	0	32	152	601	5	158	581	14	54
11	Bệnh viện dã chiến số 11	3000	2590	0	0	0	0	184	0	0	75	0	0	0	3	114	70	0	36	70	2	
12	Bệnh viện Da liễu	150	150	1	3	0	0	116	24	0	520	0	0	0	0	90	26	0	7	90	0	0
13	Bệnh viện Đa khoa Đồng Nai	150	74	5	5	2	0	67	99	14	219	1	0	0	35	40	10	3	0	10	20	7
14	Bệnh viện Nhi đồng	110	60	15	3	5		66							2	33	31		34	31	1	0
15	Bệnh viện ĐKKV Long Thành	150	150	0	3	0	0	40	0	0	144	0	0	0	7	24	9	0	1	32	7	110
16	Bệnh viện ĐKKV Định Quán	60	30	0	0	0	0	4	4	0	19	1	0	0	1	2	2	0	0	2	1	26
17	Bệnh viện Phôi	60	11	0	0	0	0	3	0	4	0	0	0	0	1	3	0	0	0	0		

18	Bệnh viện Đồng Nai 2	40	65	6	12	0	0	65	113	0	167	2	0	0	4	39	26	4	5	31	25	0
19	Bệnh viện ĐH Y Dược Shing Mark	35	35	3	4			38	114	0	101	2			0	23	13	0	4	10	0	0
20	Trung tâm Y tế Vĩnh Cửu	20	65	10	2	0	0	51	25	1	111	0	0	0	0	35	16	1	13	37	0	14
21	Khoa Nhiệt đới BVTN	12	17	0	2	0	0	14	16	0	34	0	0	0	6	9	5	0	0	5	4	
22	Bệnh viện Tâm thần TW 2																					
Tổng cộng (tầng 2)		10127	8957	418	287	9	0	5210	1009	22	19895	8	0	0	191	2253	2758	73	1365	3993	270	3747

TẦNG 1

1	Biên Hòa	4309	3873	23	215	9	0	3212	937	12	4738	0	0	0	22	960	2340	18	918	3077	59	529
2	Long Khánh	432	432	0	0	0	0	5	0	0	0	0	0	0	0	0	5	0	0	5	0	427
3	Vĩnh Cửu	4057	3989	1	60	16	0	658	1343	3	5813	0	0	0	0	38	620	5	198	521	4	2852
4	Định Quán	100	89	0	0	0	0	2	42	0	77	0	0	0	0	1	1	0	0	2	0	
5	Tân Phú	60	60	6	0	0	0	6			4					0	6	0	1	5	0	54
6	Trảng Bom	876	876	31	124	0	0	546	1271	1	1725	0	0	0	0	26	520	4	234	303	5	202
7	Thống Nhất	130	140	7	0	2	0	15	71	0	10	0	0	0	0	2	13	0	2	15	0	120
8	Xuân Lộc																					
9	Cẩm Mỹ	500	200	2	0	0	0	12	2	0	29	0	0	0	1	1	10	0	1	9		188
10	Long Thành	250	250	9	16	0	0	133	35	0	685	0	0	0	0	0	133	1	39	90	4	117
11	Nhơn Trạch	3230	3010	99	52	104	0	1622	0	21	3074	0	0	0	33	500	1089	19	420	1179	23	1388
TỔNG CỘNG (Tầng 1)		13944	12919	178	467	131	0	6321	3701	37	16155	0	0	0	56	1528	4737	47	1813	5206	95	6598
TỔNG TẦNG (3+2+1)		24801	22283	607	758	145	6	11681	5084	472	36273	35	11	38	315	3787	7495	122	3181	9298	400	10602